



NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Đối tượng áp dụng: Khóa tuyển sinh 2018

Ngành: **NGÔN NGỮ TRUNG**
 Chuyên ngành: **Tiếng Trung thương mại**
 Mã số ngành: **7220204**

Số tín chỉ tích lũy: **133**

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐAM H	KL TN	
I. GIAO DỤC ĐẠI CƯƠNG			49	49	0	0	0	0	
Phần bắt buộc			37	37	0	0	0	0	
I.1. Các học phần về lý luận chính trị và pháp luật			13	13	0	0	0	0	
1	POL101	Đường lối cách mạng của Đảng CSVN	3	3					POL104
2	POL102	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1	2	2					
3	POL103	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	3	3					POL102
4	POL104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2					POL103
5	LAW101	Pháp luật đại cương	3	3					
I.2. Các học phần về ứng dụng CNTT và sử dụng ngoại ngữ			0	0	0	0	0	0	
I.3. Các học phần về khoa học tự nhiên, môi trường			3	3	0	0	0	0	
1	NAS101	Môi trường và con người	3	3					
I.4. Các học phần về kinh tế, quản lý và quản trị đại cương			6	6	0	0	0	0	
1	MAN201	Quản trị học	3	3					
2	BUS101	Tinh thần khởi nghiệp	3	3					
I.5. Các học phần về khoa học xã hội, nhân văn và đa văn hóa			12	12	0	0	0	0	
1	SOS203	Các nền văn minh thế giới	3	3					
2	SOS205	Giao tiếp đa văn hóa	3	3					
3	SOS101	Kinh tế, văn hóa, xã hội ASEAN	3	3					
4	SOS102	Văn hiến Việt Nam	3	3					
I.6. Các học phần về tổ chức cá nhân chung			3	3	0	0	0	0	
1	SKL101	Phương pháp học đại học	3	3					
Phần tự chọn			12	12	0	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 4 học phần)	3						
1	ECO201	Kinh tế học đại cương		3					
2	MAR201	Marketing căn bản		3					
3	ACC201	Kế toán đại cương		3					
4	SKL202	Kỹ năng hành chính văn phòng		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG201	Tiếng Anh giao tiếp 1		3					
2	KOR201	Tiếng Hàn giao tiếp 1		3					
3	JAP201	Tiếng Nhật giao tiếp 1		3					
		(Chọn 1 trong 2 học phần)	3						
1	SOS204	Các vấn đề xã hội đương đại		3					
2	SOS206	Mỹ học đại cương		3					
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	3						
1	ENG202	Tiếng Anh giao tiếp 2		3					ENG201
2	KOR202	Tiếng Hàn giao tiếp 2		3					KOR201
3	JAP202	Tiếng Nhật giao tiếp 2		3					JAP201
II. GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP			84	132	6	30	0	36	

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/ TN	TT	ĐAM H	KL TN	
II.1. Các học phần cơ sở ngành			41	40	1	0	0	0	
1	CHI324	Kỹ năng Đọc Viết 1	3	3	0				CHI328
2	CHI325	Kỹ năng Đọc Viết 2	3	3	0				CHI324
3	CHI326	Kỹ năng Đọc Viết 3	3	3	0				CHI325
4	CHI327	Kỹ năng Nghe Nói 1	3	3	0				CHI332
5	CHI328	Kỹ năng Nghe Nói 2	3	3	0				CHI327
6	CHI329	Kỹ năng Nghe Nói 3	3	3	0				CHI328
7	CHI330	Kỹ năng Nghe Nói 4	3	3	0				CHI329
8	CHI331	Kỹ năng Nghe Nói 5	3	3	0				CHI330
9	CHI332	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung/ TTTM	2	1	1				
10	CHI333	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 1	3	3	0				CHI332
11	CHI338	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 2	3	3	0				CHI333
12	CHI335	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 3	3	3	0				CHI334
13	CHI336	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 4	3	3	0				CHI335
14	CHI337	Tiếng Trung Quốc tổng hợp 5	3	3	0				CHI336
II.2. Các học phần chuyên ngành			21	72	5	20	0	24	
II.2a. Phần bắt buộc			18	70	4	20	0	24	
1	CHI422	Đất nước học Trung Quốc	3	3	0				CHI431
2	CHI418	Dịch Nói (cơ bản)	3	3	0				CHI331
3	CHI420	Dịch Viết (cơ bản)	3	3	0				CHI326
4	CHI423	Giao tiếp thương mại (cơ bản)	3	3	0				CHI418
5	CHI430	Thư tín thương mại	3	3	0				CHI420
6	CHI429	Tiếng Hán hiện đại	3	3	0				CHI337
II.2b. Phần tự chọn			3	2	1	0	0	0	
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	2						
1	CHI425	HSK cao cấp		1	1				CHI429
2	CHI432	Trích giảng văn học Trung Quốc		1	1				CHI420
3	CHI428	Tiếng Hán cổ đại		1	1				CHI429
		(Chọn 1 trong 3 học phần)	1						
1	CHI427	Kỹ năng thuyết trình		1					
2	BUS431	Văn hóa doanh nghiệp		1					
3	CHI426	Kỹ năng phỏng vấn và xin việc		1					
II.3. Học phần thực tập			22	20	0	10	0	12	
1	CHI537	Khóa luận tốt nghiệp	12					12	
2	CHI434	Thực tập cơ sở Ngôn ngữ Trung Quốc/ TTTM	4			4			CHI337
3	CHI535	Thực tập tốt nghiệp	5			5			CHI431
4	CHI339	Trải nghiệm ngành, nghề	1			1			
		(Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp)	12	12					
1	CHI436	Dịch Nói (nâng cao)	4	4	0				CHI418
2	CHI435	Dịch Viết (nâng cao)	4	4	0				CHI420
3	CHI437	Giao tiếp thương mại (nâng cao)	4	4	0				CHI423
III. HỌC PHẦN KHÔNG TÍCH LŨY									
1	DEE104	Giáo dục quốc phòng	8						
2	PHT101	Giáo dục thể chất 1	1		1				
3	PHT102	Giáo dục thể chất 2	1		1				
4	PHT103	Giáo dục thể chất 3	1		1				
5		Kỹ năng mềm							

STT	Mã HP	Tên học phần	Số tín chỉ						Mã HP học trước
			Tổng	LT	TH/TN	TT	ĐAM H	KL TN	
6		Ngoại ngữ chuẩn đầu ra							
7		Tin học chuẩn đầu ra							

P. TRƯỞNG KHOA NGOẠI NGỮ

**KT. HIỆU TRƯỞNG
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH**

ThS. Bùi Phú Hưng

PGS.TS Phạm Vũ Phi Hổ